

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2019
V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhạn
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa – tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 229/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Phương T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 90/5/24A, khu phố 3, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Phùng Hềnh Q**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 120/74/23, khu phố 6, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Lê Thị Phương T có mặt,
ông Phùng Hềnh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2018 và tại bản tự khai nguyên đơn bà Lê Thị Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phùng Hénh Q kết hôn năm 2010, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, hôn nhân là tự nguyện. Thời gian đầu khi về chung sống với nhau vợ chồng rất hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do ông Q cờ bạc, cá độ bóng đá và có người phụ nữ khác, xung đột về tính cách, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung, cả hai thật sự mệt mỏi, ảnh hưởng đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái, mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên nhủ để đoàn tụ nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Nay thấy tình cảm giữa bà và ông Q không còn, hôn nhân không hạnh phúc, nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Phùng Hénh Q.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phùng Lê Minh H, sinh ngày 04/7/2010 và cháu Phùng Lê Minh T, sinh ngày 21/9/2015. Khi ly hôn, bà xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông Phùng Hénh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Phùng Hénh Q nhưng ông Phùng Hénh Q vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn thực hiện không đúng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Phương T. Giao cháu Phùng Lê Minh H và cháu Phùng Lê Minh T cho bà Lê Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông Phùng Hénh Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu. Bà Lê Thị Phương T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật cho ông Phùng Hénh Q nhưng ông Phùng Hénh Q vắng

mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Phương T và ông Phùng Hánh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 06/01/2010 nên áp dụng Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Phương T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà Lê Thị Phương T trình bày sau khi kết hôn thời gian đầu khi về chung sống với nhau vợ chồng rất hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do ông Q cờ bạc, cá độ bóng đá và có người phụ nữ khác, xung đột về tính cách, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung, cả hai thật sự mệt mỏi, ảnh hưởng đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái, mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên nhủ để đoàn tụ nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Nay thấy tình cảm giữa bà và ông Q không còn, hôn nhân không hạnh phúc, nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Phùng Hánh Q. Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập ông Phùng Hánh Q đến Tòa để hòa giải đoàn tụ nhưng ông Phùng Hánh Q không đến, cho thấy ông Phùng Hánh Q không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Mặt khác, theo biên bản làm việc ngày 08/5/2019, ông Phùng A S (là cha ruột ông Phùng Hánh Q) cho biết hiện ông Phùng Hánh Q đang sinh sống với gia đình ông tại địa chỉ 120/74/23, khu phố 6, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn ông Q và bà T sinh sống với gia đình ông tại địa chỉ trên. Quá trình chung sống thì giữa ông Q và bà T cũng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Q mê cờ bạc, cá độ bóng đá và nợ nần. Đến năm 2015 thì bà T và ông Q sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Lê Thị Phương T đã không còn tình cảm với ông Phùng Hánh Q, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên việc bà Lê Thị Phương T xin ly hôn với ông Phùng Hánh Q là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Phương T, cho ly hôn giữa bà Lê Thị Phương T và ông Phùng Hánh Q.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị Phương T và ông Phùng Hánh Q có 02 con chung là cháu Phùng Lê Minh H, sinh ngày 04/7/2010 và cháu Phùng Lê Minh T, sinh ngày 21/9/2015. Khi ly hôn, bà Lê Thị Phương T xin được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông Phùng Hánh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trách nhiệm của cha mẹ. Khi ly hôn bà Lê Thị Phương T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Phùng Hánh Q cấp dưỡng. Ông Phùng Hánh Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc nên không có ý kiến gì về con chung, cháu Phùng Lê Minh H có nguyện vọng được ở với mẹ, còn cháu Phùng Lê Minh T là con gái và còn nhỏ cũng cần có sự chăm sóc của mẹ, do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu nên giao cháu H và cháu T cho bà Lê Thị Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để tạo điều kiện ổn định phát triển về

mọi mặt cho các cháu. Tạm thời ông Phùng Hénh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]Về tài sản chung: Bà Lê Thị Phương T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5]Về nợ chung: Bà Lê Thị Phương T trình bày không có. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về nợ chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[6]Về án phí: Bà Lê Thị Phương T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7]Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Phương T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Phương T và ông Phùng Hénh Q.

Về con chung: Giao cháu Phùng Lê Minh H, sinh ngày 04/7/2010 và cháu Phùng Lê Minh T, sinh ngày 21/9/2015 cho bà Lê Thị Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông Phùng Hénh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Phùng Hénh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà Lê Thị Phương T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp

là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003828 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Lê Thị Phương T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phùng Hềnh Q vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến